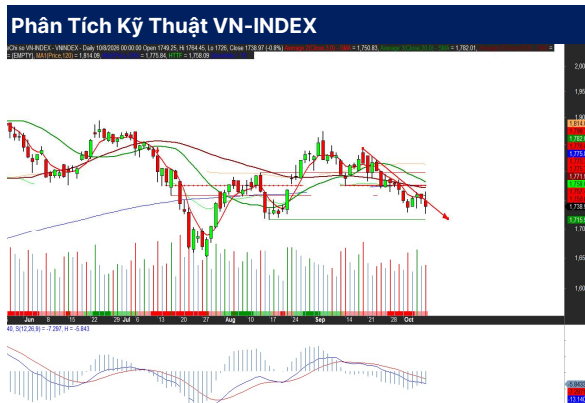
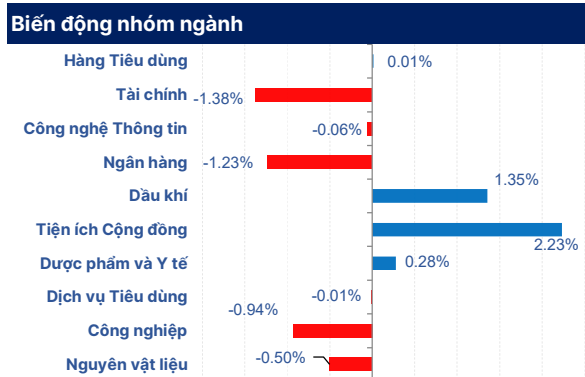


Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,738.97	256.22
% Thay đổi Index	↓ -0.82%	↓ -1.39%
KLGD (CP)	676,634,772	60,243,867
GTGD (tỷ đồng)	15,883.31	885.19
% Thay đổi GTGD	4.32%	6.46%
Diễn biến thị trường		
VNINDEX		1738.97
Chỉ số VNINDEX		-14.42 / -0.82%
HNXINDEX		256.22
Chỉ số HNXINDEX		-3.60 / -1.39%
UPINDEX		125.21
Chỉ số UPINDEX		+0.02 / +0.02%
VN30		1877.00
Chỉ số VN30		-17.20 / -0.91%

Top Giao dịch NDTNN HOSE (Tỷ đồng)			
TCB -153.13 tỷ	PLX 90.73 tỷ	VHM -61.01 tỷ	ACB -39.94 tỷ
HDB -124.49 tỷ	FUEFVN -72.31 tỷ	FPT -59.72 tỷ	MSN 32.12 tỷ
PNJ -115.41 tỷ	VIC 65.42 tỷ	STB 55.50 tỷ	MCH 27.68 tỷ
	PVT 61.98 tỷ	VIX -47.88 tỷ	VCI -27.67 tỷ
			HAH -27.05 tỷ
			SHB 24.63 tỷ

GT Bán : -2264.63 **1818.66 : GT Mua**



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau phiên giao dịch phân hóa với thanh khoản giảm, lực cầu suy yếu ở nhiều mã. VN-Index tiếp tục phục hồi lên quanh 1.765 điểm trong phiên sáng, thanh khoản tiếp tục suy giảm. Áp lực bán sau đó gia tăng mạnh dần trong phiên chiều với thanh khoản gia tăng kém tích cực. Kết phiên VN-Index giảm 14,42 điểm (-0,82%) về mức 1.738,97 điểm. VN30 giảm mạnh hơn 17,20 điểm (-0,91%) về mức 1.877,00 điểm, dưới kháng cự tâm lý 1.900 điểm.

Độ rộng trên HOSE tiêu cực với 183 mã giảm giá. Áp lực bán mạnh ở nhóm ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, viễn thông, thép, khu công nghiệp, bán lẻ, tiêu dùng... Trong khi vẫn duy trì xu hướng tăng khá tích cực ở nhóm năng lượng - dầu khí, bảo hiểm, khoáng sản - kim loại quý hiếm. Phục hồi khá tích cực ở các mã cơ bản khá tốt, đầu ngành trong các nhóm hàng không, dệt may, thủy sản, nông nghiệp, phân bón, hóa chất... với 110 mã tăng giá và 56 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường tăng, khối lượng giao dịch khớp lệnh tăng 9,7% so với phiên trước. Thể hiện áp lực bán gia tăng mạnh ở nhiều mã. Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị -446,0 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411GA000 kết phiên ở mức 1.880,2 điểm, giảm -0,75%. Chênh lệch dương mở rộng lên 3,20 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411GB000, 411GC000, 411H3000 chênh lệch từ -0,10 điểm đến 3,50 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch kỳ hạn 411GA000 giảm -5,6% so với phiên trước. Các trade giảm các vị thế giao dịch, nghiêng về VN30 phục hồi, biến động nhẹ. Ưu tiên phòng ngừa rủi ro khi VN30 gặp kháng cự mạnh. Xu hướng ngắn hạn 411GA000 tích lũy, kháng cự 1.900 điểm, hỗ trợ gần nhất 1.880 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411GA000 là 31.428, giảm vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VN-Index suy yếu, tiếp tục chịu áp lực bán ở vùng giá cao. VN-Index đang chịu áp lực kiểm định lại vùng giá 1.710 điểm - 1.730 điểm, tương ứng vùng giá thấp tháng 8/2026. Trong khi dưới ảnh hưởng chi phối của số ít các cổ phiếu vốn hóa lớn, VN30 vẫn suy yếu, giao dịch dưới các kháng cự tâm lý và vùng giá trung bình 200 phiên.

Thị trường tiếp tục phân hóa mạnh dựa vào chất lượng và triển vọng tăng trưởng của doanh nghiệp. Chúng tôi đã nhận định dòng tiền chỉ gia tăng ở vùng giá thấp và có dấu hiệu không gia tăng thêm ở vùng giá cao trong phiên trước. Diễn biến cho thấy nhiều cổ phiếu đã chịu áp lực bán khá đột biến. Tuy nhiên thị trường vẫn có nhiều điểm sáng tích cực. Tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa trung bình, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu trong các nhóm ngành như thủy sản, nông nghiệp, dệt may, phân bón... Hầu hết là các doanh nghiệp tương đối tốt, duy trì tăng trưởng, đầu ngành trong các nhóm ngành, sau thời gian dài chịu áp lực điều chỉnh về các vùng định giá tương đối hợp lý, có các mức P/E, P/B thấp so với lịch sử.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

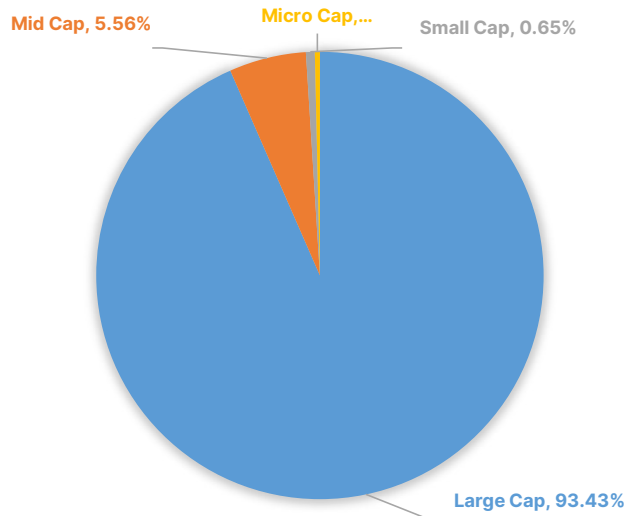
Mã CK	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
PVP	25.00	23.0	25.5-26.2	21.0	8.0	29.7%	199.8%	Theo dõi GD	73	110
DRI	16.70	15.8	17.1-17.8	15.2	5.5	113.6%	191.7%	Theo dõi GD	87	95
BVH	77.90	74.0	76-78	72.0	17.4	0.4%	55.4%	Theo dõi GD	75	77
VOS	12.60	12.0	13.5-14	11.5	4.5	10.3%	301.7%	Theo dõi GD	76	59
FRT	150.90	145.0	146-150	137.0	23.7	37.2%	187.8%	Theo dõi GD	74	67
VPB	23.45	22.6	25.5-26	22.0	6.2	56.8%	72.4%	Theo dõi GD	81	69
DPR	37.80	37.8	44-45	36.0	9.2	39.1%	55.8%	Theo dõi GD	80	31
VTO	11.75	11.3	14-15	11.0	5.2	27.1%	156.1%	Theo dõi GD	74	76
PVS	34.20	33.0	39-40	31.0	10.0	16.5%	49.3%	Theo dõi GD	76	70

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

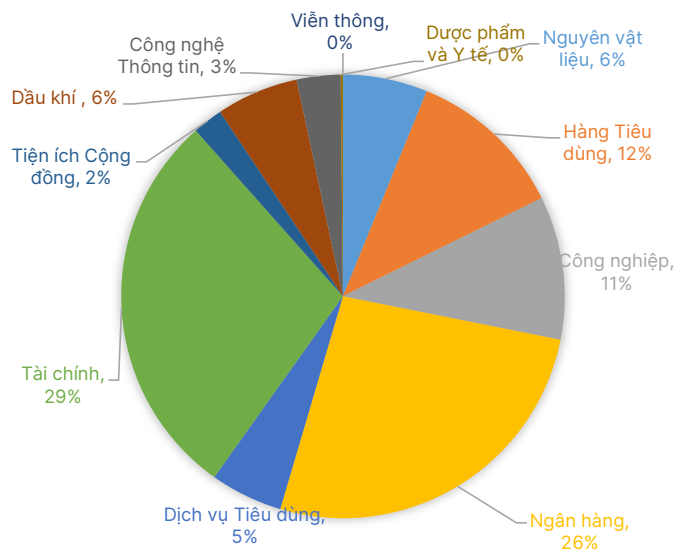
Xu Hướng	Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn Thông	Dầu Khí	Dệt May-Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn		Tang Truong	Điều Chỉnh	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tích Luy	Suy Giảm
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	Tang Truong	Tang Truong
Dòng tiền trung hạn		Tích Luy	Tích Luy	Duong_Tang	Am_Giam	Am_Tang	Duong_Tang	Tích Luy	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		282.9	-224.0	-267.3	279.8	269.8	-87.0	-98.6	-264.4
Tương quan- VNINDEX		Yếu hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	Không đổi- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn- Mạnh hơn	Tốt hơn- Mạnh hơn	Không đổi- Mạnh hơn
Cổ phiếu TOP		VIC	PHP	DRI	EVS	VGI	PVP	PTG	GVR
		VPI	DXP	TRC	HCM	FPT	PVT	TVT	VGC
Xu Hướng	Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn		Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn		Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn		Duong_Tang	Tích Luy	Tích Luy	Am_Tang	Am_Tang	Tích Luy	Tích Luy	Duong_Giam
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		-277.6	-58.1	294.0	-50.6	285.0	257.9	304.3	85.8
Tương quan- VNINDEX		Tốt hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn- Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP		BVH	PET	TVN	SEA	DHA	MSB	BFC	SAS
		PRE	PSD	SMC	ANV	VLB	VPB	DHB	AST
Xu Hướng	Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn		Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	26
Ngắn trung hạn		Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tích Luy	Suy Giảm	26
Dòng tiền trung hạn		Am_Tang	Tích Luy	Tích Luy	Am_Tang	Tích Luy	Am_Giam	Am_Tang	17
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)		94.8	22.9	-268.5	274.3	268.4	274.6	238.8	22
Tương quan- VNINDEX		Yếu hơn- Kém hơn	Yếu hơn- Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	30	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi- Kém hơn	Yếu hơn- Mạnh hơn	
Cổ phiếu TOP		XMP	SBT	DCL					
		TDB	NAF	DPP					

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	Vốn Hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,769,779	13.9%	2,752	82.8	10.3
VHM	539,714	32.6%	9,730	6.8	2.0
VCB	472,931	17.9%	4,984	11.4	1.9
BID	263,682	17.7%	4,250	8.0	1.4
CTG	226,795	21.8%	5,172	5.6	1.1

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	48,224,517	17.3%	2,537	4.0	0.6
PVD	43,057,700	6.5%	1,199	15.2	1.0
HDB	31,220,794	23.9%	3,895	7.2	1.6
VIX	31,025,100	16.5%	2,156	5.2	0.9
SSI	28,724,300	13.4%	1,753	10.9	1.4

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
CSV	↑ 7.0%	16.5%	2,415	8.9	1.4
FMC	↑ 6.9%	19.4%	6,865	5.2	1.0
SVT	↑ 6.9%	7.3%	982	9	0.7
PJT	↑ 6.9%	12.1%	1,633	5.6	0.6
ANV	↑ 6.9%	23.6%	3,248	5.7	1.3

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
STG	↓ -7.0%	13.4%	3,557	10.0	1.3
TNT	↓ -7.0%	4.2%	486	20.1	0.8
SHB	↓ -6.9%	17.3%	2,537	4.0	0.6
VDP	↓ -6.9%	8.2%	2,799	12.5	1.3
HAS	↓ -6.9%	-2.9%	(465)	(18.3)	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	2,435,300	12.5%	2,526	14.9	1.9
PVT	2,415,600	16.1%	2,761	9.3	1.4
SHB	2,372,413	17.3%	2,537	4.0	0.6
HCM	1,010,900	9.8%	1,328	17.8	1.8
VIB	849,300	15.7%	1,990	6.9	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	(6,248,939)	18.4%	4,780	3.8	0.7
TCB	(4,761,400)	14.8%	3,829	8.3	1.3
HDB	(4,446,085)	23.9%	3,895	7.2	1.6
VIX	(4,166,500)	16.5%	2,156	5.2	0.9
FUEVFN	(2,229,594)	0.0%	-	-	-

TIN NỔI BẬT

Đến 30/09, tín dụng toàn hệ thống tăng 11,59%

Tại họp báo 07/10/2026, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Phạm Thanh Hà cho biết trong 9 tháng đầu năm 2026, NHNN điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, phù hợp diễn biến thị trường, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiên định ưu tiên mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2026 bình quân khoảng 4,5%, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Đến ngày 30/09/2026, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 20,75 triệu tỷ đồng, tăng 11,59% so với cuối năm 2025, và tăng 16,69% so với cùng kỳ năm 2025.

Chính phủ yêu cầu 9 địa phương tăng trưởng trên 15% trong quý IV

Chính phủ kiên định mục tiêu ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, phấn đấu tăng trưởng năm 2026 đạt “2 con số” gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Nhiệm vụ trên được nêu tại Nghị quyết 312 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2026, vừa được Thủ tướng Lê Minh Hung ký ban hành. Tại phụ lục kèm theo Nghị quyết, Chính phủ đưa ra kịch bản tăng trưởng quý IV/2026 của từng địa phương, gắn với mục tiêu tăng trưởng cả năm. Theo đó, 9 tỉnh, thành phố có mức tăng trưởng quý IV cần đạt trên 15% gồm: Lạng Sơn (18,41%); Vĩnh Long (17,25%); Thanh Hóa (17,10%); Cà Mau (16,7%); Quảng Trị (16,64%); Hà Nội (16,55%); Cần Thơ (16,08%); Hải Phòng (15,39%); Tuyên Quang (15,04%).

Dệt may đơn hàng ổn định, áp lực cạnh tranh gia tăng

Theo số liệu thống kê, 9 tháng năm 2026, dệt may vẫn tiếp tục trên đà tăng trưởng. Cụ thể, toàn ngành đạt kim ngạch xuất khẩu ước đạt 35,721 tỷ USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ; trong đó, hàng may mặc đóng góp lớn nhất ước đạt 28,237 tỷ USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ, xơ sợi ước đạt 3,605 tỷ USD, tăng 13,08%, vải không dệt ước đạt 610 triệu USD, tăng 7,77%. Các chuyên gia trong ngành cho rằng các doanh nghiệp dệt may Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều biến số khó lường từ thị trường. Cụ thể, chịu tác động rất lớn từ những điều chỉnh trong chính sách thương mại và rào cản thuế quan từ các thị trường tiêu thụ chính.

Điện Mặt Trời trở thành nguồn điện có quy mô lắp đặt lớn nhất Trung Quốc

Theo số liệu mới nhất do Cục Năng lượng Quốc gia Trung Quốc công bố, tính đến cuối tháng 7/2026, tổng công suất lắp đặt điện Mặt Trời của nước này đạt 1.286 tỷ kW, lần đầu tiên vượt điện than, là nguồn điện có quy mô công suất lắp đặt lớn nhất Trung Quốc. Được biết, 1.286 tỷ kW tương đương tổng công suất lắp đặt của 57 nhà máy thủy điện Tam Hiệp. Cứ 8 kWh điện được sử dụng ở Trung Quốc thì có hơn 1 kWh đến từ điện Mặt Trời

PNJ về thấp nhất gần 10 năm, nhóm T. Rowe rời ghế cổ đông lớn

PNJ chốt phiên 07/10 ở 18.900 đồng/cp, mất gần nửa giá trong 12 phiên. Hơn 50 triệu cp đổi chủ, trong khi khối ngoại bán ròng gần 400 tỷ đồng. Nhóm 21 nhà đầu tư nước ngoài do T. Rowe Price Associates đại diện bán ròng gần 5,5 triệu cp PNJ ngày 02/10, kéo sở hữu từ 6,02% xuống 4.95%. Với tỷ lệ này, nhóm không còn là cổ đông lớn của PNJ. Biến động sở hữu diễn ra khi kết quả kinh doanh của hãng trang sức suy yếu nhanh. Công ty đang trình cổ đông kế hoạch lỗ gần 6,3 ngàn tỷ đồng trong năm 2026, chủ yếu do dự phòng khoảng 7,1 ngàn tỷ đồng cho chính sách thu đổi sản phẩm. Nếu loại khoản này, PNJ ước vẫn lãi hơn 800 tỷ đồng

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích

Ngô Thế Hiến

Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tấn Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ: **Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.

Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, P.

Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777. Fax: (84-511)-352 5779.

Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, Tp.HCM

Tel: (84-8)-3915 1368. Fax: (84-8)-3915 1369

Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.

Email: contact-hcm@shs.com.vn